TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HSST
Ngày 16/6/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phu.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Tuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2018, tại trung tâm thương mại thị trấn A, địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện A. Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/HSST ngày 14/5/2018 đối với bị cáo:

Trương Văn V, sinh năm 1986, tại A, An Giang; sinh trú quán: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: Trương Thành T, sinh năm: 1965; Mẹ: Hồ Thị P, sinh năm: 1967; anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Trần Thị Thu H, sinh năm: 1993; có 01 con, sinh năm: 2011.

- Tiền sự: Chưa.

- Tiền án:

Ngày 10/12/2004, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù, về tội " Trộm cắp tài sản". Đến ngày 10/07/2007 chấp hành xong án phạt tù.

Ngày 10/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù, về tội " Trộm cắp tài sản". Đến ngày 25/6/2009 chấp hành xong án phạt tù.

Ngày 31/03/2012, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đến ngày 28/06/2013 chấp hành xong án phạt tù.

Ngày 27/05/2014, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội " *Trộm cắp tài sản*". Đến ngày 03/8/2017 chấp hành xong án phạt tù.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/3/2018 đến ngày 14/3/2018 bị cáo V được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia phiên tòa:

Bị hại:

Ông Cao Thanh H, sinh năm: 1973. (Có mặt)
Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Em Cao Trung N, sinh năm: 2004. (Vắng mặt)
Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Cao Thanh H là cha ruột em N, ông H là người giám hộ cho em Cao Trung N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trương Bình E, sinh năm: 1993. (Vắng mặt)
Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1989. (Vắng mặt)
Cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1965. (Vắng mặt).

Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1993. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trương Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/3/2018, sau khi uống rượu xong, Trương Văn V kêu vợ là Trần Thị Thu H điều khiển xe mô tô biển số: 67X1 – 1263, chở V xuống nhà anh N trong kênh xã V để xin kéo lúa thuê. Khi đi đến đầu cầu V – P thuộc ấp V, xã V, do thấy trời tối nên V kêu H dừng xe để V tự đi bộ vào kênh, còn H chạy xe về nhà. Sau đó, V đi bộ xuống chân cầu, rồi ghé lại nhà bà Nguyễn Thị M nằm võng trước cửa nhà và nói chuyện với bà M. Nói chuyện xong, V tiếp tục đi bộ vào kênh thêm một đoạn khoảng 600 mét nhưng trời tối không thấy đường nên V quay lại. Lúc này, V thấy bàn ghế cặp đường, không biết nhà của ai, còn khoảng 10 chai bia sài gòn nên vào ngồi uống một mình được 06 chai thì nghỉ uống. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 09/3/2018 thì V nảy sinh ý định đi tìm tài sản lấy trộm. V đi bộ quan sát thấy nhà của ông Cao Thanh H không khóa cửa bếp nên V lén lút đột nhập vào nhà ông H lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime của ông H và 01 điện thoại hiệu Oppo F1s của Cao Trung N

cùng 01 cục sạc pin dự phòng để trên bàn máy tính giữa nhà, giấu vào túi quần rồi nhanh chóng tẩu thoát. V thấy cục sạc pin dự phòng không có giá trị nên ném bỏ xuống kênh cách nhà anh H khoảng 15 mét, rồi lấy điện thoại Samsung J7 Prime và Oppo F1s đi bộ về nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, V thuê xe đò chở đến cửa hàng điện thoại di động "K" tại chợ Đ, xã Q, thuê ông Trương Bình E là nhân viên cửa hàng, chạy lại chương trình cho 02 chiếc điện thoại vừa lấy trộm (do máy bị khóa mật khẩu). Đến trưa cùng ngày, V quay lại tiệm "K", lấy 02 điện thoại trên nhưng do không có tiền trả nên V nói với Bình E lấy trước điện thoại di động Samsung J7 Prime, xong đem lại cửa hàng điện thoại di động "M" thuộc chợ Đ, xã Q bán với giá 3.000.000 đồng, rồi quay lại cửa hàng điện thoại "K" trả tiền chạy chương trình hết 240.000 đồng và tiếp tục lấy điện thoại di động hiệu Oppo F1s mang đến cửa hàng điện thoại di động "M" bán với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán xong, V lấy tiền tiêu xài cá nhân và đi qua Casino ở Campuchia chơi đánh bạc thua hết.

Sáng ngày 09/3/2018, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản ông H đến Công an xã V trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an xã V báo cáo về Cơ quan điều tra – Công an huyện A. Qua điều tra xác minh thì phát hiện Trương Văn V có nhiều biểu hiện nghi vấn nên mời V về làm việc và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Ngày 15/3/2018, Vũ bị khởi tố, điều tra xử lý.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 15/KL.TSĐGTTHS ngày 12/03/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, trị giá 4.900.000 đồng.

01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F1s, trị giá 4.700.000 đồng.

01 (một) cục sạc pin dự phòng, trị giá 200.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên trị giá 9.800.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 20/VKS-HS ngày 11/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Trương Văn V về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, bị cáo V đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn Vũ với mức án từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng trong vụ án.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

Về thủ tục: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Người bị hại ông Cao Thanh H có mặt, những người liên quan, những người làm chứng còn lại đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị cáo V đã khai nhận: Thừa nhận tối ngày 08/3/2018 bị cáo đến khu vực ấp V, xã V, huyện A lấy trộm 02 điện thoại di dộng và 01 cục sát dự phòng. Do thấy cục sạt dự phòng không có giá trị nên bị cáo bỏ lại cùng ốp lưng điện thoại Samsung màu xanh và sim diện thoại tại bờ kênh xã V cách nhà ông H khoảng 15m. Sáng ngày 09/3/2018 đi đến cửa hàng điện thoại di động K tại chợ Đ, xã Q chạy lại chương trình 02 máy điện thoại di động do bị khóa mật khẩu. Sau khi chạy chương trình xong, bị cáo đem 02 điện thoại di độngđến tiệm điện thoại di động M thuộc ấp Đ, xã Q bán với giá 5.000.000 đồng. Bị cáo trả tiền chạy chương trình 240.000 đồng.

Ông Cao Thanh H trình bày: Sáng ngày 09/3/2017 ông S (bán căn tin trong trường ông dạy) chạy đến nhà ông hỏi sao điện thoại cho ông không được. Sau khi kiểm tra thì ông phát hiện mất 02 điện thoại di động Samsung J7 Prime màu xanh dương và OPPO F1S màu vàng đồng; 01 cục sạt dự phòng còn gim sạt máy Samsung. Sau đó ông trình báo Công an xã V. Hiện ông đã nhận lại 01 điện thoại OPPO F1s, còn điện thoại Samsung J7 Prime màu xanh dương và cục sạt dự phòng ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan và những người làm chứng, với các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định: Bị cáo Trương Văn V có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Tối ngày 08/3/2018 và rạng sáng ngày 09/3/2018 bị cáo V có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của ông Cao Thanh H lấy trộm 02 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime trị giá 4.900.000 đồng, điện thoại OPPO F1S trị giá 4.700.000 đồng và 01 cục sạt dự phòng trụ giá 200.000 đồng, tổng trị giá 9.800.000 đồng nên bị cáo V đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo V là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ sức lao động để nuôi sống bản thân và gia đình đủ sức làm thuê kiếm sống. Với vai trò trụ cột trong gia đình, bị cáo phải chăm lo làm ăn lương thiện, nuôi dạy con cái để góp phần phát triển kinh tế gia đình nhưng vì muốn có tiền mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản để tiêu xài, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông H và em N được pháp luật hình sự bảo vệ.

Pháp luật hình sự của Nhà nước ta nghiêm cấm bất kỳ ai, ở cương vị nào nếu chiếm đoạt tài sản của tổ chức hoặc cá nhân người khác trái pháp luật thì đều bị xử theo quy định.

Xét về nhân thân và lượng hình:

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 04 tiền án, chưa được xóa án tích.

Xét về lương hình: Bị cáo đã 04 lần được cải tại nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên qua các lần phạm tội, bị cáo không biết ăn năn hối cải, chứng tỏ bản thân bị cáo không có hướng phục thiện. Bị cáo có hoàn cảnh nghèo, bản thân phải đi làm thuê kiếm tiền nuôi gia đình nhưng với bản chất tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động cho thấy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là thật sự nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo thỏa mãn với tình tiết tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều này chứng tỏ các bản án trước đây không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt nên cần phải có một hình phạt tương xứng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nữa để bị cáo có đủ thời gian suy nghĩ về việc làm của mình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên cũng có xem xét cho bị cáo ở hành vi thật thà khai báo, bản thân đang bị bệnh nặng về tim, mạch; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với vật chứng gồm: 01 (một) áo thun nam có cổ, tay ngắn, màu đen; 01 (một) quần jean màu xanh, loại quần short nam; tất cả đều qua sử dụng. Các vật dụng này là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trao trả cho bị cáo.

Đối với số tiền 500.000 đồng do ông M nộp, Công an huyện A đã nộp vào kho bạc nhà nước huyện A. Đây là số tiền chênh lệch có được do ông M bán điện thoại Samsung J7 Prime cho người khác với giá 3.500.000 đồng, trong khi ông M mua điện thoại này của bị cáo với giá 3.000.000 đồng. Do bị hại ông H yêu cầu bị cáo bồi thường điện thoại Samsung J7 Prime nên HĐXX duy trì số tiền 500.000 đồng để đảm bảo thi hành án theo yêu cầu của ông H.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Cao Thanh H đã nhận lại 01 điện thoại di động OPPO F1s màu vàng đồng. Điện thoại di dộng Samsung J7 Prime , màu xanh và 01 cục sạt pin dự phòng, tất cả tài sản này trị giá 5.100.000 đồng. Ông H chưa nhận được tài sản này, ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường 5.100.000 đồng. Tuy nhiên, khấu trừ 500.000 đồng do ông M nộp vào kho bạc nhà nước nên bị cáo chỉ bồi thường cho ông H 4.600.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M chủ tiệm điện thoại di động đã giao nộp số tiền chênh lệch bán máy Samsung J7 với số tiền 500.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Ông M yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng đã thu mua diện thoại OPPO F1s do bị cáo mang đến bán.

HĐXX xét thấy yêu cầu của ông Hải và ông Mộng có căn cứ nên buộc bị cáo bồi thường cho ông H và ông M.

Tuy nhiên, khấu trừ 500.000 đồng do ông M nộp vào kho bạc nhà nước nên bị cáo chỉ bồi thường cho ông H 4.600.000 đồng, bồi thường cho ông M 2.000.000 đồng.

Lẽ ra, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn V 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bị bắt chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/3/2018 đến ngày 14/3/2018.

Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trương Văn V bồi thường cho ông Cao Thanh H số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Trương Văn V bồi thường cho ông Nguyễn Văn M số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Duy trì số tiền 500.000 đồng đã nộp tại kho bạc nhà nước vào tài khoản số 3949.0.90441373.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện A vào ngày 12/4/2018 để đảm bảo thi hành án cho ông Cao Thanh H.

Trả lại cho bị cáo Trương Văn V: 01 (một) áo thun nam có cổ, tay ngắn, màu đen; 01 (một) quần jean màu xanh, loại quần short nam; tất cả đều qua sử dụng.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 01/6/2018 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án huyện A)

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Trương Văn V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền bồi thường) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Mai Việt Quốc